

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 20 /9/2017

V/v: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Cao Thế
2. Bà : Hoàng Thị Tường Vy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Triều – Kiểm sát viên

Ngày 20/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2017, về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07 /2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q vào ngày 03/6/2015. Sau khi đăng ký kết hôn, chị B ở tại nhà mẹ đẻ tại bản H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, còn anh V ở tại Quảng Bình để làm việc. Do điều kiện công việc nên vợ chồng xa nhau nhưng anh V không quan tâm chăm sóc vợ con, khi chị

có bầu và khi sinh con, anh cũng không hỗ trợ tiền để nuôi con mà chỉ vào dự khi con đầy tháng. Vì vậy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2016 đến nay, không thể hàn gắn được và nay chị B nhận thấy vợ chồng không còn hòa hợp nên có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung tên là Nguyễn Xuân A, sinh ngày 07/9/2016, từ khi sinh con đến nay, chị B trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị, chị cho rằng làm nghề giáo viên, thu nhập ổn định nên cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nguyễn Xuân V, quá trình Tòa án giải quyết trình bày như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn như chị B trình bày, sau khi kết hôn, anh làm việc và sinh sống tại Quảng Bình, chị B làm việc và sống ở Thừa Thiên Huế, anh đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ chị B về Quảng Bình để sống chung với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị B không đồng ý, ngoài ra, chị B còn ghen tuông nên phát sinh mâu thuẫn, vì vậy tình cảm ngày càng phát nhạt. Nay anh V cho rằng cũng không còn tình cảm với chị B nên đồng ý ly hôn

Về con chung: anh và chị B có 01 con chung như chị B trình bày, khi ly hôn anh đồng ý để cho chị B nuôi con và không đồng ý cấp dưỡng, lý do anh cho rằng thu nhập thấp, đang nuôi mẹ già nên không có điều kiện để cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V; về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Xuân A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị B; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thẩm quyền: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy, căn cứ Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Về tố tụng: Tòa án cũng tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải cho anh V nhưng anh V đều không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2017 và Giấy triệu tập đến phiên tòa đối với anh V. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/8/2017 anh V xin xét xử vắng mặt vì điều kiện công việc nên không đến phiên tòa, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

Xét quan hệ hôn nhân:

Theo sự thừa nhận của các đương sự, chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân V có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q vào ngày 03/6/2015, như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật và xã hội công nhận.

Nguyên đơn chị B cho rằng về tình cảm vợ chồng, không thể khắc phục được, bởi lẽ do anh V không quan tâm đến chị và không chăm sóc gia đình, vợ chồng sống xa nhau nên không có tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2016 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, do vậy chị cương quyết xin ly hôn với anh V. Bị đơn anh V cho rằng chị B không về chung sống với anh ở quê nội, mặc dù anh đã nhiều lần khuyên nhủ, do cuộc sống ở xa nhau nên tình cảm phai nhạt, nay anh thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị B.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh V, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, xin được ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị B, anh V là đúng thực tế, tình trạng hôn nhân giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài không thể khắc phục được dẫn đến ngày càng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử qua xem xét toàn diện tình trạng hôn nhân của các đương sự đã đi đến thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị Nguyễn Thị B ly hôn với anh Nguyễn Xuân V là phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Chị B và anh V đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Xuân A, sinh ngày 07/9/2016, từ sinh cháu A, chị B trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chị B

không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và chị cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

Qua xem xét nguyện vọng của các đương sự về việc trực tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị B: Cháu Nguyễn Xuân A hiện nay dưới 36 tháng tuổi, các đương sự không có thỏa thuận khác nên căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và theo sự thỏa thuận của anh chị về việc giao cháu A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy, nhằm đảm bảo ổn định về điều kiện chăm sóc và sinh sống cho cháu sau khi anh chị ly hôn, nghĩ nên giao cháu Nguyễn Xuân A cho chị Nguyễn Thị B được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con và cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành là hoàn toàn phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Xuân V.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình:

Xử: Giao chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân A, sinh ngày 07/9/2016; anh V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B, chị B cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001012 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Đức Long